|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CHƯƠNG | NỘI DUNG CHÍNH | GHI CHÚ |
| CHƯƠNG I : GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC | ***Giáo dục là hiện tượng đặc trưng của xã hội loài người:***  + Giáo dục là phạm trù xã hội chỉ có ở con người, được tiếp nối qua các thế hệ  + Đảm bảo được cơ chế di truyền và cơ chế di sản  **=> Giáo dục được hiểu là *quá trình thống nhất* của sự hình thành *tinh thần và thể chất* của mỗi cá nhân trong xã hội. Là một mặt *không thể tách rời* của cuộc sống. *Là một hiện tượng của xã hội***  + Giáo dục xuất hiện cùng với sự xuất hiện của loài người  + Giáo dục như là một phương thức của xã hội đảm bảo việc kế thừa văn  hoá, phát triển nhân cách  + Mang tính giai cấp: thể hiện trong các chính sách giáo dục chính thống của nhà nước cầm quyền  ***Giáo dục học là một khoa học:***  \***Sự ra đời và phát triển của GDH**  + Khoa học là một trong những hình thái ý thức của xã hội (bao gồm hoạt động để tạo ra hệ thống những tri thức khách quan về thực tiễn, đồng thời bao gồm cả kết quả của hoạt động ấy)  + Là 1 ngành của khoa học – xã hội  + Luôn loại bỏ những quan điểm lỗi thời và luôn bổ sung các luận điểm và lí thuyết mới phù hợp với trình độ và yêu cầu của xã hội  - Được coi là nghiên cứu chất, quy luật, các khuynh hướng và tương lai phát triển của quá trình giáo dục  *GDH nghiên cứu:*  - Lí luận và cách tổ chức quá trình đó  - Phương pháp, hình thức hoàn thiện hoạt động  - Hình thức hoạt động của người được giáo dụ  - Sự phối hợp hoạt động của nhà giáo dục và người được giáo dục  **\*Đối tượng và nhiệm vụ của GDH:**  *Đối tượng của GD:* quá trình giáo dục toàn vẹn hiện thực có mục đích được tổ chức trong một xã hội nhất định ***=> quá trình hình thành nhân cách có mục đích, có kết hoạch***  Quá trình GDH:  - Có tính định hướng  - Diễn ra trong thời gian nhất định  - Thông qua hoạt động của con người  - Tuân theo những quy luật khách quan  *Nhiệm vụ của GDH:*  + Giải thích nguồn gốc phát sinh phát triển và bản chất của của giáo dục, phân biệt mối quan hệ có quy luật và ngẫu nhiên  + Nghiên cứu, dự báo tương lai gần xa, nghiên cứu xu thế phát triển của giáo dục và mục tiêu chiến lược trong mỗi giai đoạn phát triển của xã hội  + Nghiên cứu và xây dựng lí thuyết giáo dục mới, hoàn thiện mô hình giáo dục, phân tích khái niệm giáo dục  + Nghiên cứu, tìm tòi phương pháp và phương tiện giáo dục mới  **\*Một số khái niệm về GDH**  **Nghĩa rộng:** là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, có nội dung và phương pháp khoa học *(hình thành nhân cách)*  **Nghĩa hẹp:** là quá trình hình thành lí tưởng, động cơ, tình cảm , niềm tin, tính cách, hành vi, thói quen cư xử đúng đắn *(thông qua việc tổ chức và giao lưu)*  **Dạy học:** là quá trình tác động qua lại giữa người học và người dạy  => giúp cho người học lĩnh hội tri thức, kĩ năng, nhận thức và thực tiễn  => phát triển năng lực hoạt động sáng tạo  => hình thành thế giới quan + phẩm chất nhân cách  **Giáo dục suốt đời:** giáo dục toàn diện mỗi giai đoạn  **Giáo dục không chính quy:** vừa làm, vừa học suốt đời  **Giáo dục cộng đồng:** đầu tư tổ chức dạy cho những người không có điều kiện  **Giáo dục hướng nghiệp:** nhà trường giáo dục đến thế hệ trẻ về tư tưởng, tâm lí, kiến thức, kĩ năng sẵn sàng bước vào ngành nghề, lao động, bảo vệ Tổ quốc…  **Công nghệ dạy học (nghĩa hẹp):** sử dụng và phát minh sản phẩm của CNTT và phương tiện kĩ thuật dạy học  **Công nghệ dạy học (nghĩa rộng):** tập hợp (gắn bó) phương pháp, phương tiện kĩ thuật học tập đánh giá được nhận thức và sử dụng tùy vào mục tiêu  **\*Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu GDH:**  ***PP luận:***là sự tổng hợp luận điểm về nhận thức giáo dục và cải tạo, biến đổi thực tiễn giáo dục  ***PP nghiên cứu GDH:*** là cách thức, con đường để khám phá bản chất, quy luật của quá trình giáo dục *(vận dụng vào thực tiễn giáo dục)*  ***Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của chúng với khoa học khác:***  **\*Hệ thống các khoa học GDH:**  - GDH đại cương, nghiên cứu những quy luật cơ bản của GDH  - GDH lứa tuổi  - GDH khuyết tật  - GDH bộ môn  - Lịch sử GD và GDH  - GDH theo chuyên ngành  **\*Mối quan hệ của GDH với các khoa học khác:**  - GDH với Triết học  - GDH với Sinh lí học  - GDH với Tâm lí học  - GDH với Điều khiển học  - GDH với Xã hội học | **QUÁ TRÌNH GDG**  =  Quá trình dạy học  +  Quá trình giáo dục  *Quan điểm phương pháp luận:*  - duy vật biện chứng  - lịch sử - logic  - thực tiễn  - hệ thống  *Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết:*  + PP phân tích và tổng hợp  + PP mô hình hóa  *Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn:*  + PP quan sát  + PP trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi (bảng câu hỏi)  + PP phỏng vấn  + PP tổng kết kinh nghiệm giáo dục  + PP thực nghiệm sư phạm  + PP nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm  + PP chuyên gia  *Phương pháp sử dụng toán thống kê* |
| CHƯƠNG II:  GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI | **I. CÁC CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA GIÁO DỤC**  -Kinh nghiệm của Xh loài người về nhiều mặt => Kinh nghiệm càng phong phú càng khẳng định vai trò  -GD tác động vào từng cá nhân=> nhân cách theo yc phát triển xh=> hình thái ý thức xã hội=> chuyển hóa cơ sở hạ tầng nhờ tính độc lập tương đối  - GD tạo nên nguồn nhân lực  ⇒ Phát triển GD là “quốc sách hàng đầu” của nhiều quốc gia  **1/ Chức năng kinh tế - sản xuất:**  **- GD LÀ MỘT HIỆN TƯỢNG VĨNH HẰNG, BẤT BIẾN** => đào tạo lực lượng lao động    - GD **ko trực tiếp sản xuất** nhưng tái sản xuất ra sức lao động    - Cải biến cái bản thể tự nhiên chung của con  người, giúp họ có kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo về một lĩnh vực lao động phù hợp, tạo ra một  năng suất lao động cao, trực tiếp thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế.     - Yêu cầu đối với nguồn nhân lực :  +trình độ học vấn cao,  + kiến thức sâu sắc,  + tay nghề vững vàng,  +tính năng động, sáng tạo, linh hoạt  **NHỮNG YÊU CẦU CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN TỐT CHỨC NĂNG KINH TẾ- SẢN XUẤT**  -Giáo dục phải **gắn kết với thực tiễn xã hội**,đáp ứng nguồn nhân lực trong từng giai đoạn cụ thể  -Xây dựng hệ thống GD quốc dân **cân đối, đa dạng** => ba mục tiêu:  +Lấy **nâng cao dân trí** làm nền tảng đào tạo nhân lực  +  **bồi dưỡng nhân tài** cho tất cả các lĩnh vực kinh tế  +Làm **động lực trực tiếp thúc đẩy** đất nước **phát triển hoà nhập** với thế giới văn minh.  - Không ngừng **đổi mới nội dung, phương pháp,**  **phương tiện** v.v…. **Nâng cao chất lượng giáo dục** đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao và những phẩm chất cần thiết đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hiện đại là vấn đề đang đặt ra cho các quốc gia.  **2. Chức năng chính trị - tư tưởng:**  -Mỗi quốc gia đều có một chế độ chính trị, giai cấp hay chính đảng cầm quyền sử dụng giáo dục như một công cụ nhằm duy trì, củng cố chế độ hình trị.  -Thể chế chính trị và tư tưởng có mối quan hệ nhân quả chặt chẽ, có ảnh hưởng to lớn, mạnh mẽ đến tất cả các hình thái ý thức xã hội khác và cũng phản ánh đặc trưng cơ sở kinh tế của xã hội  . V. I. Lênin khẳng định: *“Chính trị là biểu hiện tập trung của kinh tế”.*  **-GD giúp những tư tưởng xã hội được thấm đến từng con người**, hình thành thế giới quan, giáo dục ý thức, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.  -Ở nước ta **GD phải phục vụ mục đích chính trị tốt đẹp** làm cho các chủ trương, đường lối chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm nhuần sâu sắc vào mọi tầng lớp nhân dân => hành động thực tiễn nhằm đưa **đất nước phát triển nhanh, mạnh, vững chắc.**  **3. Chức năng văn hoá - xã hội:**  -Hiểu theo hệ thống cấu trúc, giáo dục là một bộ phận của văn hoá - xã hội.  -Hiểu theo cơ chế vận hành, giáo dục có chức năng truyền thụ các giá trị văn hoá - xã hội từ thế hệ trước cho thế hệ sau.  ***“văn hoá là nội dung và cũng là mục tiêu của giáo dục. Văn hoá và giáo dục gắn bó với nhau như hình với bóng”.***  - Tất cả giá trị văn hóa của nhân loại thông qua GD -> hệ thống giá trị của từng con người  - Thế giới ngày nay coi GD là con đường cơ bản để gìn giữ, phát triển văn hóa, khỏi tụt hậu  ***A. Toffler khẳng định: “Một dân tộc không được giáo dục — dân tộc đó sẽ***  ***bị loài người đào thải, một cá nhân không được giáo dục - cá nhân đó sẽ bị xã hội loại***  ***bỏ”.***  -GD có nhiệm vụ quan trọng là **xây dựng một trình độ văn hoá cho toàn xã hội** bằng cách phổ cập giáo dục phổ thông với trình độ ngày càng cao cho thế hệ trẻ và mọi người dân trong xã hội.  => Trình độ dân trí cao tiếp thu, phát triển được các giá trị văn hoá tốt đẹp, đấu tranh ngăn ngừa xoá bỏ được những tư tưởng, hành vi tiêu cực:xoá bỏ các phong tục, tập quán lạc hậu,các tệ nạn xã hội, thực hiện dân số - kế hoạch hoá gia đình,....  - GD còn làm thỏa mãn nhu cầu học tập suốt đời-> **GD là phúc lợi cơ bản, quyền sống tinh thần của mỗi người**  - GD phải được quan tâm ngay từ mầm non cho đến đại học và trên đại học  - Phát triển hợp lí các loại hình giáo dục và các  phương thức đào tạo  => Phát triển tài năng của mọi công dân, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.  **II. XÃ HỘI HIỆN ĐẠI VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA CHO GIÁO DỤC**  **1. Đặc điểm của xã hội hiện đại**  ***-Cách mạng khoa học công nghệ.*** Chuyển biến từ thời kì công nghiệp sang thời kì phát triển của công nghệ thông tin và kinh tế tri thức  -Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ:     Sự tăng tốc phát minh khoa học và phát triển của công nghệ cao đặc biệt là công nghệ thông tin ảnh hưởng to lớn nhiều mặt  -> Sự thay đổi căn bản các đặc tính  văn hoá và giáo dục đã hình thành qua nhiều thế hệ ở từng quốc gia và trên toàn thế giới.  -Công nghệ cao  đưa yếu tố t**hông tin và tri thức lên hàng đầu,** đẩy các yếu tố  cạnh tranh truyền thống  xuống hàng thứ  yếu. Làm giảm được sự tiêu hao năng lượng, nhân lực, nguyên liệu ,nâng cao chất lượng sản phẩm hạ giá thành, bảo đảm sự cạnh tranh và hoà nhập thế giới.  -Giáo dục và đào tạo **cung cấp nguồn nhân lực và nhân tài** cho sự phát triển của khoa  học và công nghệ, mặt khác sự phát triển khoa học và công nghệ lại **tác động vào toàn bộ cơ cấu hệ thống giáo dục.** đòi hỏi giáo dục và đào tạo cần **nâng cao trình độ đào tạo** để phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế xã hội.  ***Xu thế toàn cầu hóa***  -Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế khách quan  - Toàn cầu hoá về kinh tế là một cuộc cách mạng về phương pháp và tổ chức sản xuất nên giáo dục phải đào tạo được những con người làm chủ công nghệ mới, nắm bắt nhanh chóng công nghệ hiện đại.  - Về văn hoá, lối sống có tính quốc tế và tính toàn cầu đang dần hình thành, thị trường liên thông, nhu cầu việc làm Mạng viễn thông và Internet tạo thuận lợi cho giao lưu và hội nhập văn hoá giữa các quốc gia, hình thành những cộng đồng văn hoá.  -Giáo dục cần đào tạo những con người biết **giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc** kết hợp với những tinh hoa văn hóa nhân loại,đó là điều kiện cần và đủ để tiếp cận với xu thế toàn cầu hoá.  - Giáo dục phải hình thành cho con người ý thức tích cực với những vấn đề có tính chất toàn cầu. (chiến tranh, nạn đói, vấn đề xã hội,..)  -giáo dục phải đào tạo được những con người **làm chủ và nắm bắt** được khoa học và công nghệ hiện đại, có **ý thức tích cực** về những vấn đề mọi quốc gia đang quan tâm   Việt Nam: làm sao để có tiềm lực **hội nhập** vào xu thế thời đại, vừa **không hoà tan** trong dòng chảy chung  ***Phát triển nền kinh tế tri thức***  Có nhiều cách hiểu về nền kinh tế tri thức, theo định nghĩa của Tố chức hợp tác và phát triển kinh tế, 1996. “Kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó tri thức đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển kinh tế - xã hội loài người”.  - Một số đặc trưng cơ bản:  +Tri thức là **nhân tố quan trọng nhất** quyết định sự phát triển, tri thức là nguồn lực hàng đầu tạo ra sự tăng trưởng.  +Trong kết cấu giá trị sản phẩm hàng hoá, dịch vụ thì **hàm lượng tri thức chiếm tỉ trọng cao**, giá trị các yếu tố vật chất (máy móc, vật tư, nguyên liệu) ngày càng giảm.Chính vì vậy, quyền sở hữu đối với tri thức trở thành quan trọng nhất.  + Hàm lượng lao động cơ bắp giảm đi vô cùng nhiều, hàm lượng hao phí lao động trí óc tăng lên vô cùng lớn.  +Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch từ sản xuất vật chất sang hoạt động dịch vụ, xử  lí thông tin là chủ đạo.  + Công nghệ đổi mới nhanh, vòng đời công nghệ ngắn (luôn khuyến khích những sáng kiến). Giữa sản xuất và tiêu dùng có quan hệ chặt chẽ (các mặt hàng sản xuất theo nhu cầu khách hàng). Quá trình tin học hoá các khâu sản xuất, dịch vụ, quản lí.  -Giáo dục là cốt lõi trong quá trình chuyển sang nền kinh tế tri thức.  **2. Những thách thức đặt ra cho giáo dục**   Nhân loại đang đứng trước bối cảnh lịch sử mới nhưng vẫn còn nhiều khó khăn:suy kiệt nguồn tài nguyên, thảm hoạ thường xuyên xảy ra, suy thoái môi trường nghèo đói, bệnh tật, ngu dốt, bị áp bức, bóc lột, chiến tranh và khủng bố  => Những vấn đề mà giáo dục phải giải quyết:  **Thứ nhất:** Mối quan hệ giữa toàn cầu và cục bộ, con người dần dần **trở thành công dân toàn cầu**, mang tính quốc tế, nhưng vẫn tiếp tục **là thành viên tích cực của cộng đồng, của quốc gia mình.**  **Thứ hai:** Mối quan hệ giữa toàn cầu và cá thể có văn hóa của nhân loại, **văn hoá**  của từng dân tộc, từng khu vực; đồng thời phải **tôn trọng** và tạo điều kiện **phát triển cá tính** của từng con người.  **Thứ ba:** Mối quan hệ giữa truyền thông và hiện đại, **thích ứng** với những yêu cầu  của thời đại mới nhưng **không làm mất đi những truyền thống tốt đẹp** của dân tộc, tiến lên cập nhật với những tiến bộ mới nhưng không quay lưng lại với quá khứ.  **Thứ tư:** Mối quan hệ giữa cách nhìn dài hạn và cách nhìn ngắn hạn. Thực tiễn giáo dục đòi hỏi cần có những **giải pháp nhanh chóng,** trong khi đó nhiều vấn đề gặp phải lại cần có một chiến lược cải cách **có tính kiên nhẫn.**  **Thứ năm:** Giữa sự cạnh tranh cần thiết phải quan tâm đến sự bình đẳng, vấn đề  này thể hiện cả trong kinh tế, xã hội và trong giáo dục, làm được điều này cần phải điều phối ba lực:  - Cạnh tranh tạo động lực  - Hợp tác tạo sức lực  - Liên kết tạo hợp lực  **Thứ sáu:** Giữa sự tăng vô hạn của tri thức và khả năng tiếp thu của con người, nhà trường cần **cải tiến** nội dung chương trình một cách hợp lí, đổi mới phương pháp dạy và học.  **Thứ bảy:** Mối quan hệ giữa vật chất và tinh thần, chú ý tới tất cả các mặt của cuộc sống, đời sống vật chất đồng thời phải nâng cao trí tuệ, tinh thần, quan tâm giáo dục lí tưởng và các giá trị đạo đức.  **III. HỆ THỐNG CÁC KHOA HỌC VỀ GIÁO DỤC VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CHÚNG VỚI CÁC KHOA HỌC KHÁC :**  **1. Hệ thống các khoa học giáo dục học:**  Quá trình phát triển xã hội luôn đi kèm với sự tích luỹ tri thức ở tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người, trong đó có lĩnh vực giáo dục.  Giáo dục học được phân chia thành các chuyên ngành khoa học riêng biệt, tạo thành một hệ thống các khoa học giáo dục, bao gồm:  - Giáo dục học đại cương, nghiên cứu những quy luật cơ bản của Giáo dục học.  - Giáo dục học lứa tuổi (bao gồm giáo dục học trước tuổi đi học; giáo dục học nhà trường; giáo dục học người lớn tuổi) nghiên cứu những khía cạnh về lứa tuổi của việc dạy học và giáo dục.  - Giáo dục học khuyết tật  - Giáo dục học bộ môn   Lịch sử giáo dục và Giáo dục học, nghiên cứu sự phát triển của các tư tưởng và thực tiễn giáo dục trong các thời kì lịch sử khác nhau.  - Giáo dục học theo chuyên ngành (Giáo dục học quân sự, Giáo dục học thể thao, Giáo dục học đại học...)  Với sự phát triển của khoa học theo hướng phân hoá và tích hợp. Trong những năm gần đây, khoa học giáo dục không ngừng phát triển, hình thành nhiều chuyên ngành mới như: Triết học giáo dục, Giáo dục học so sánh, Xã hội học giáo dục, Kinh tế học giáo dục, Quản lí giáo dục....  **2. Mối quan hệ của Giáo dục học với các khoa học khác:**  -Vị trí của Giáo dục học trong hệ thống các khoa học về con ngưòi được xác định khi xem xét các mối quan hệ của nó với các khoa học khác.  -Ngày nay, Giáo dục học có mối quan hệ với một số ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, đặc biệt là có quan hệ mật thiết một số ngành khoa học nghiên cứu về con ngưòi.  -  Giáo dục học với Triết học  Mối quan hệ này là một quá trình lâu dài và có hiệu quả, các tư tưởng triết học đã hình thành quan điểm và lí luận giáo dục học, nó làm cơ sở phương pháp luận cho Giáo dục học.  -  Giáo dục học với Sinh lí học.  Sinh lí học được coi là cơ sở khoa học tự nhiên của Giáo dục học. Việc nghiên cứu giáo dục học cần phải dựa vào những dữ kiện của sinh lí học như: hệ thần kinh cấp cao, đặc điểm các loại thần kinh, hoạt động của hệ thống tín hiệu thứ nhất, thứ hai, sự vận hành của các cơ quan cảm giác vận động.  -  Giáo dục học với Tâm lí học  Tâm lí học nghiên cứu trạng thái, các quá trình, các phẩm chất tâm lí muôn màu, muôn vẻ được hình thành trong quá trình phát triển con người, quá trình giáo dục, cũng như quá trình tác động của con người tới môi trường.  - Giáo dục học với Điều khiển học  Điều khiển học là khoa học vè sự điều khiển tối ưu các hệ thống phức tạp, là khoa học nghiên cứu lôgíc của những quá trình trong tự nhiên và xã hội,nó xác định những cái chung, quy định sự vận hành các quá trình đó.  - Giáo dục học với Xã hội học  - Xã hội học là khoa học nghiên cứu các quy luật hình thành, vặn động và phát triển mối quan hệ của con người với xã hội, cho con người hiểu được cơ cấu tổ chức xã hội (cấu trúc), hiện tượng xã hội, quá trình xã hội trên cơ sở đó hiểu được các quan hệ xã hội, các hiện tượng, quy luật xã hội, thực trạng về văn hoá của các nhóm dân cư khác nhau - những nguồn kiến thức đó phục vụ cho việc nghiên cứu giáo dục học. |  |
| CHƯƠNG III: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH | 1. **Nhân cách và sự phát triển nhân cách:**   **1.Khái niệm con người, cá nhân, nhân cách:**  *\* Khái niệm con người:*  - Con người là một bộ phận và cũng là một sản phẩm tiến hoá cao nhất của thế giới hiện hữu mang bản sắc tự nhiên — sinh học, tác động vào thế giới nhưng cũng chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên vô cùng khắt khe của thế giới.  - Con người cũng là sản phẩm của tiến trình phát triển xã hội trong các nền văn minh nhân loại, vì con người là chủ thể hoạt động sáng tạo ra của cải vật chất cho bản thân và cho xã hội từ xưa đến nay và cả mai sau.  *\* Khái niệm cá thể:*  - Cá thể là một đơn vị hoàn chỉnh đại diện cho giống loài nhưng mang những nét đặc thù riêng.  *\* Khái niệm cá nhân:*  - Cá nhân là một con người, là một thành viên trong xã hội loài người nhưng cũng mang những nét đặc thù riêng lẻ để phân biệt với các thành viên khác trong một tập thể, một cộng đồng.  *\* Khái niệm nhân cách:*  - Nhân cách là tổng hợp những phẩm chất, năng lực không thành bất biến của cá nhân mà nó thường xuyên vận động, biến đổi theo chuẩn mực, giá trị xã hội.  **2. Khái niệm sự phát triển nhân cách:**  - Nhân cách là những thuộc tính tâm lí phản ánh bản chất xã hội của mỗi cá nhân được hình thành và phát triển trong hoạt động và giao lưu.  - Sự phát triển của nhân cách được biểu hiện qua những dấu hiệu sau:  **\* Sự phát triển về mặt thể chất: Đó là sự tăng trưởng về chiều cao, trọng lượng, cơ bắp, sự hoàn thiện chức năng các giác quan, sự phối hợp các chức năng vận động của cơ thể.**  **\* Sự phát triển về mặt tâm lí: Thể hiện sự biến đổi cơ bản trong quá trình nhận thức, xúc cảm, tình cảm, nhu cầu, ý chí v.v…**  **\* Sự phát triển về mặt xã hội: Thể hiện ở thái độ, hành vi ứng xử trong các mối quan hệ vói những người xung quanh, ở tính tích cực nhận thức tham gia vào các hoạt động cải biến, phát triển xã hội.**  **II.Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách:**   1. **Vai trò của yếu tố di truyền và bẩm sinh:**   *\*Thế nào là di truyền, bẩm sinh?*   * Di truyền là những thuộc tính sinh học của cha, mẹ hoặc các thể hệ trước ghi nhận trong Gen truyền lại con cái. * Bẩm sinh là những biểu hiện sinh học ngay từ khi sinh ra con người đã có.   \**Vai trò của di truyền, bẩm sinh:*   * Lí luận và thực tiễn đã khẳng định rằng nhũng mầm mống, tư chất để phát triển thành năng lực và phẩm chất về một lĩnh vực hoạt động nào đó (Toán học, Văn học, Nghệ thuật, Kiến trúc v.v...) mang tính bẩm sinh, di truyền phản ánh sự kế thừa tài năng. * Tuy nhiên di truyền, bẩm sinh chỉ là tiền đề vật chất (mầm mống) của sự phát triển tâm lí, nhân cách. Nó nói lên chiều hướng, tốc độ, nhịp độ của sự phát triển. * Song để trở thành một tài năng cần phải có môi trường thuận lợi và sự hoạt động tích cực của cá nhân.  1. **Vai trò của yếu tố môi trường:**  * Môi trường tự nhiên và xã hội với các điều kiện kinh tế, thể chế chính trị, hệ thống pháp luật, truyền thông văn hoá, chuẩn mực đạo đức v.v... đã tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển động cơ, mục đích, quan điểm, tình   cảm, nhu cầu, hứng thú v.v... chiều hướng phát triển của cá nhân.   * Tác động của môi trường đối với sự phát triển của cá nhân là vô cùng mạnh mẽ, phức tạp, có thể rất tốt hoặc rất xấu, có thể cùng chiều hay ngược chiều, chủ yếu là theo con đường tự phát. * Trong sự tác động qua lại giữa nhân cách và môi trường cần chú ý đến hai mặt của vấn đề: * Thứ nhất là tính chất tác động của môi trường, hoàn cảnh vào quá trình phát triển nhân cách. * Thứ hai là tính tích cực của nhân cách tác động vào môi trường, hoàn cảnh nhằm điều chỉnh, cải tạo nó phục vụ nhu cầu, lợi ích của mình.  1. **Vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách:**  * Giáo dục không chỉ vạch ra chiều hướng, mục tiêu hình thành và phát triển nhân cách của học sinh mà còn tổ chức, chỉ đạo, dẫn dắt học sinh thực hiện quá trình đó đến kết quả mong muốn. * Giáo dục là những tác động tự giác có điều khiển, có thể mang lại những tiến bộ mà các yếu tố di truyền bẩm sinh hoặc môi trường, hoàn cảnh không thể tạo ra được do tác động tự phát. * Giáo dục có sức mạnh cải biến những nét tính cách, hành vi, phẩm chất lệch lạc không phù hợp với yêu cầu, chuẩn mực của xã hội. Đó chính là kết quả quan trọng của giáo dục lại đối với trẻ em hư hoặc người phạm pháp.  1. **Vai trò của hoạt động cá nhân đối với sự phát triển nhân cách:**  * Hoạt động của cá nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là cơ sở, là nhân tố quyết định trực tiếp sự phát triển nhân cách. Hoạt động của cá nhân xuất phát từ mục đích và nhu cầu của cá nhân; nhu cầu luôn thúc đẩy cá nhân hoạt động và ngược lại hoạt động lại là cơ sở, là điều kiện để nảy sinh nhu cầu. * Hoạt động của cá nhân có vai trò quyết định trực tiếp đối với sự hình thành và phát triển nhân cách.   **III.Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi.**  Giáo dục là một hoạt động có mục đích, có nội dung, phương pháp, phương tiện nhằm tác động phù hợp vào từng nhóm người, vào từng cá nhân được phân chia theo các giai đoạn lứa tuổi.   1. **Trẻ Trước tuổi học**   -Bậc Giáo dục mầm non (từ sơ sinh cho đến 6 tuổi).  -Trong những ngày tháng đầu tiên khi mới sinh ra, sự giao tiếp của trẻ với người lớn, với đồ vật xung quanh  có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ. Chính nhờ sự giao tiếp này,người lớn đã dắt dẫn trẻ hình thành tình cảm, thái độ, nhận thức về con người, đồ vật gần gũi xung quanh.  -Hoạt động phản ánh và vận động của trẻ từ đơn giản, tự phát chuyển dần sang phức tạp hơn và có phần tự giác khi trẻ ở tuổi biết nói.  -Giáo dục mầm non đòi hỏi phương pháp chăm sóc giáo dục trẻ phải linh hoạt,mềm dẻo, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi đảm bảo cân đối giữa chăm sóc và  giáo dục.   1. **Học sinh Tiểu học**   -Đến trường chủ yếu là để học tập chứ không phải để chơi, đánh dấu bưốc ngoặt quan trọng trong cuộc đời của  mỗi con người.  -Các em phải thực hiện hoạt động học tập một cách nghiêm túc,chẳng hạn phải đi học chuyên cần, đúng giờ, chú ý nghe lời thầy, cô giáo giảng bài, phải học thuộc lòng số liệu, định nghĩa, quy tắc, làm bài tập đầy đủ.  -Tạo điều kiện để phát triển trí tuệ, phát triển các thao tác tư duy trừu tượng, giúp các em hiểu biết sâu sắc hơn bản chất của sự vật, hiện tượng, thể hiện tình cảm, thái độ, hành vi trong giao tiếp đối với những người gần gũi xung quanh như cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo, người lớn và bạn bè.  -Do sự phát triển thể chất nên các em rất hăng hái, ham thíchvận động. Tính hiếu động đi kèm với hứng thú chưa bền vững, chưa biết điều khiển hoàn toàn hành vi của mình nên trong công tác giáo dục cần rèn luyện cho các em năng lực tập trung chú ý, có hứng thú bền vững vào những hoạt động phù hợp với khả năng để đạt được những kết quả nhất định.  **3. Học sinh Trung học cơ sở**  -Sự phát triển “nhảy vọt” về thể trạng sinh lí liên quan đến hiện tượng dậy thì, phát dục: “Nữ tuổi 13, nam tuổi 16” khiến cho đời sống tâm lí chuyển biến từ trẻ nhỏ sang người lốn, từ thơ ấu sang trưởng thành.  -Các em mong muốn khẳng định các giá trị về phẩm chất, năng lực của mình, mong muốn được tham gia những công việc như người lớn, mong muốn được tự lập, mong muốn làm những việc có ý nghĩa.cũng là cơ sở.Là điều kiện thuận lợi để hình thành, phát triển xu hướng xã hội trong nhân cách của lứa tuổi này.  -Do sự diễn biến nhanh, không đồng đều của thời kì dậy  thì, phát dục nên cũng dễ dẫn đến những trạng thái tâm lí thất thường như từ e thẹn, nhút nhát đến hung hăng, khoác lác, từ nhiệt tình, hăng hái đến lạnh nhạt, do tính dễ bị kích động.Vì vậy, nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội cần tổ chức, lôi cuốn các em vào các hoạt động phong phú hơn.   1. **Học sinh Trung học phổ thông**   -Đây là giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, một số phẩm chất cơ bản của nhân cách đã được định hình.  -Khi đến tuổi 18 các em học sinh đã có sự trưởng thành về cả thể chất, tinh thần và ý thức của người công dân, họ được quyền bầu cử, ứng cử, cũng có nghĩa là họ được xã hội công nhận là một người lớn — người công dân thực thụ có quyền lợi và nghĩa vụ đối với đất nước.  -Tự ý thức về nhu cầu nhận thức, rèn luyện, tự đánh giá các phẩm chất năng lực... trong nhân cách của mình.  -Tuy nhiên, đây là giai đoạn đầu của tuổi trưởng thành, các yếu tố của nhân cách định hình chưa thật vững bền, chưa được trải nghiệm nhiều,dễ dẫn đến những sai lầm trong nhậnthức và hành vi văn hoá, đạo đức.  **IV. MỘT SỐ PHẨM CHẤT NHÂN CÁCH CON NGƯỜI VIỆT NAM CẦN GÌN GIỮ VÀ PHÁT HUY**  **\*Yêu quý lao dộng**  -Khai sinh, lập quốc trên một dải đất hẹp, khí hậu khắc nghiệt, sông ngòi chằng chịt, bão lụt thường xuyên, con người Việt Nam từ cổ xưa đã phải dãi nắng, dầm mưa .Vì vậy, hằn sâu trong ý thức của con người Việt Nam từ thế hệ này sang thế hệ khác là ý thức lao động, nghĩa vụ lao động, yêu quý lao động, đó là một phẩm chất truyền thống tốt đẹp trong nhân cách con người Việt Nam.  **\*Lòng yêu nước**  -Lòng yêu nước nồng nàn của con người Việt Nam bắt nguồn sâu xa từ tâm thức họ đã phải đổ bao mồ hôi, nước mắt và cả xương máu để duy trì đời sống cho cá nhân, cho gia đình, cho quê hương đất nước - nơi chôn nhau cắt rốn của biết bao thế hệ.  **\*Tinh thần đoàn kết**  -Tinh thần đoàn kết như một tất yếu sống còn của dân tộc, của tự do, hạnh phúc đã ăn sâu vào tiềm thức, trở thành một nét nhân cách truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam.  **\*Lòng nhân ái**  -Lòng nhân ái thể hiện ở lòng thương yêu con người, thương yêu đồng loại, không làm điều ác nhằm hãm hại thân thể, vật chất, tinh thần của người khác để đem lại lợi ích bất chính cho mình. Hơn thế nữa là cần làm điều thiện để giúp đỡ mọi người khi cần thiết thể hiện tính nhân đạo, nhân hậu, nhân từ.  **\*Hiếu học**  -Hiếu học là ham muốn thiết tha đối với học tập, rèn luyện để đạt kết quả cao. Hiếu thảo cũng là ham muốn thực hiện sự đền đáp công lao sinh thành, nuôi dưỡng của cha mẹ và gia đình đối với con cái.  -Hiếu học là nét truyền thống của dân tộc ta đã tạo nên những tấm gương sáng chói vượt qua đói khổ, nghèo túng, quyết tâm học tập để thành danh, tinh thần hiếu học thời nào cũng có.  **\*Hiếu thảo**  -Khẳng định công lao to lớn hơn trời biển của cha mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡng con cái từ thủa ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, mong muốn được đền đáp lại công lao to Khẳng định công lao to lớn hơn trời biển của cha mẹ đã sinh thành, nuôi dưỡngcon cái từ thủa ấu thơ cho đến lúc trưởng thành, mong muốn được đền đáp lại công lao to lớn đó của con cái đối với cha mẹ cũng như một lẽ tự nhiên đã trở thành truyền thống tốt đẹp trong đạo lí của dân tộc. | *Cần quan tâm đúng mức yếu tố di truyền, bẩm sinh, đó là những mầm mống, tư chất sinh học có vai trò tiền đề phát triển một số phẩm chất, năng lực của nhân cách. Nếu quá coi nhẹ hoặc tuyệt đối hoá, đánh giá quá cao nhân tố di truyền sinh học thì cũng sẽ vi phạm sai lầm khi phân tích, so sánh, đánh giá vị trí, vai trò, tác động của môi trường, hoàn cảnh và của*  *giáo dục đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách.* |
| CHƯƠNG IV: MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN LÍ GIÁO DỤC | 1. ***KHÁI NIỆM MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU GIÁO DỤC***   ***1. Mục đích giáo dục***  + Là một phạm trù cơ bản của Giáo dục học.  + Là mô hình lí tưởng về sản phẩm giáo dục, là phạm trù có tính chất định hướng lâu dài của nền giáo dục quốc gia.  + Về bản chất, mục đích giáo dục là mô hình dự kiến của sản phẩm giáo dục.  + Là luận điểm xuất phát của quá trình giáo dục  + Là thành tố quan trọng định hướng cho quá trình giáo dục  + Là cơ sở để xác định chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục  \***Đặc điểm:**  + Một phạm trù có tính lịch sử  + Hội tụ của những yêu cầu về phẩm chất và năng lực đối với thế hệ mới, những yêu cầu về nguồn nhân lực xã hội phục vụ cho sự phát triển kinh tế, văn hoá xã hội trong một giai đoạn phát triển lịch sử nhất định.  **=> Như vậy, ở mỗi giai đoạn phát triển lịch sử xã hội có một nền giáo dục và có mục đích giáo dục tương ứng.**  + Tính giai cấp  *+* Mang màu sắc dân tộc  + Tính thời đại  ***2.Mục tiêu giáo dục***  + Những tiêu chí, chỉ tiêu, những yêu cầu cụ thể đối với từng khâu, từng nhiệm vụ, từng nội dung của quá trình giáo dục phải đạt được sau một hoạt động giáo dục.  + Những bậc thang nối tiếp nhau dẫn đến mục đích giáo dục, khi các mục tiêu giáo dục đạt được có nghĩa là ta đã tiếp cận tới mục đích giáo dục tổng thể.  **=> Mục tiêu giáo dục là hai khái niệm có quan hệ mật thiết với nhau, nhưng không phải là một. Mục tiêu giáo dục là thành phần, bộ phận cấu thành của mục đích giáo dục. Quan hệ giữa mục đích và mục tiêu giáo dục là quan hệ giữa những mong đợi lí tưởng và khả năng hiện thực, giữa các yêu cầu tổng thể và yêu cầu bộ phận của quá trình giáo dục.**   1. ***MỤC TIÊU GIÁO DỤC VIỆT NAM***   ***1.Những căn cứ để xây dựng mục tiêu giáo dục***  + Chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, khoa học và công nghệ quốc gia, những yêu cầu về phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước hiện nay.  + Những điều kiện, tiềm năng kinh tế, văn hoá, khoa học, công nghệ cụ thể của đất nước hiện nay.  + Truyền thống văn hoá và bản sắc dân tộc Việt Nam, những kinh nghiệm giáo dục đã trải qua.  + Những kinh nghiệm giáo dục và các xu thế phát triển văn hoá, giáo dục của các nước trên thế giới.  + Khả năng hiện có của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Xam để biến những mong muốn lí tưởng thành hiện thực của nền giáo dục.  + Khả năng thực hiện của các đối tượng giáo dục, hay nói cách khác đó là trình độ, năng lực hiện có của người học theo các cấp học, bậc học, theo các lứa tuổi khác nhau.  ***2.Mục tiêu giáo dục Việt Nam***  *Mục tiêu ở cấp độ tổng quát*  Mục tiêu giáo dục xã hội là một lời tuyên bố chính thức của Nhà nước về cái đích hướng tới của sự nghiệp giáo dục quốc gia. Đó là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Mục tiêu giáo dục được thể hiện ở ba nội dung cơ bản sau đây:  + Nhà nước xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân là để tạo mọi điều kiện cho nhân dân được học tập. Giáo dục có mục đích nâng cao dân trí đồng nghĩa với việc nâng cao trình độ học vấn cho nhân dân và hình thành nếp sống văn hoá cho cộng đồng xã hội. Trước hết, để nâng cao dân trí giáo dục phải luôn đổi mới theo hướng “nhân văn hoá, xã hội hoá, đa dạng hoá”. Trình độ dân trí thể hiện trình độ văn hoá, đạo đức, thẩm mĩ: là kết quả tổng hợp của nhiều lĩnh vực giáo dục (nhà trường, gia đình, xã hội).  + Mục đích xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Vấn đề đào tạo nhân lực phục vụ cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá được xem là mục tiêu có tầm chiến lược trong phát triển giáo dục hiện nay. Chất lượng và hiệu quả lao động trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ luôn luôn phụ thuộc vào trình độ được đào tạo của nguồn nhân lực.  + Mục đích hệ thống giáo dục Việt Nam là phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước. Mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài được đặt trên cơ sở phát triển nhân cách của thế hệ trẻ Việt Nam. Việc xác định đúng đắn mục tiêu giáo dục của nền giáo dục Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là một vấn đề có tầm chiến lược.  *Mục tiêu nhân cách*  + Mục tiêu giáo dục toàn diện mang đầy tính nhân văn được các nhà giáo dục cổ đại đề xướng theo quan niệm về sự phát triển hài hoà giữa thể chất, trí tuệ và tình cảm của con người. Tư tưởng này được phát triển qua những thời kì khác nhau của lịch sử loài người, đặc biệt trong các tác phẩm giáo dục của các nhà xã hội không tưởng thời Phục hưng. Tuy vậy chỉ đến C. Mác và Ăngghen mới đưa ra được những cơ sở khoa học thực sự của giáo dục nhân cách toàn diện và từ đó trở thành mục tiêu lí tưởng của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Nền giáo dục Việt Nam luôn luôn coi trọng việc xây dựng con người phát triển toàn diện, con người vừa có đức, vừa có tài.  *Mục tiêu ở cấp độ hệ thống giáo dục*  + Mục đích giáo dục Việt Nam được cụ thể hoá thành các mục tiêu giáo dục cho từng cấp học, bậc học, ngành học: Mục tiêu của giáo dục Mầm non, mục tiêu giáo dục Tiểu học, mục tiêu giáo dục Trung học cơ sở, mục tiêu của giáo dục Trung học phổ thông, mục tiêu giáo dục Trung học chuyên nghiệp, mục tiêu của trường dạy nghề, mục tiêu đào tạo trình độ Cao đẳng, mục tiêu đào tạo trình độ Đại học, mục tiêu đào tạo trình độ Thạc sĩ, mục tiêu đào tạo trình độ Tiến sĩ.  *Ở cấp độ chuyên biệt*  Mục tiêu giáo dục ở cấp độ này là những chỉ tiêu, những yêu cầu cụ thể cần phải đạt được như mục tiêu dạy, mục tiêu học, mục tiêu của chương trình, của môn học. v.v. Mục tiêu ở cấp độ này đề cập tới ba mặt: Kiến thức, kĩ năng và thái độ mà học sinh phải đạt được trong quá trình học tập.  + Kiến thức là hệ thống những khái niệm, phạm trù, những thông tin khoa học theo nội dung từng môn học, từng chuyên ngành cụ thể.  + Kĩ năng là khả năng thực hiện các công việc cụ thể, sau khi học sinh đã qua một chương trình học tập, một khoá huấn luyện.  + Thái độ là biểu hiện ý thức của học sinh đối với kiến thức đã tiêp thu được và  những dự định ứng dụng chúng vào cuộc sống.  **III. NGUYÊN LÍ GIÁO DỤC**  ***1. Khái niệm về nguyên lí giáo dục***  *Nguyên tắc giáo dục*  + Như ta đã biết nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản của Lí luận giáo dục (giáo dục nghĩa hẹp), có giá trị chỉ dẫn các hoạt động giáo dục, hình thành phẩm chất nhân cách, đạo đức cho học sinh (tương tự như nguyên tắc dạy học là những luận điểm cơ bản của Lí luận dạy học, có giá trị chỉ dẫn quá trình dạy học, giúp học sinh nắm vững tri thức và hình thành kĩ năng theo chương trình dạy học).  ***Nguyên lí giáo dục***  + Nguyên lí giáo dục là những luận điểm khái quát mang tầm tư tưởng và có tính quy luật của quá trình giáo dục (giáo dục nghĩa rộng), chỉ dẫn toàn bộ hệ thống giáo dục và quá trình sư phạm tổng thể, trong đó có quá trình giáo dục và quá trình dạy học (là những bộ phận cấu thành).  *Nguyên lí giáo dục có đặc điểm sau đây*  + Nguyên lí giáo dục là một tư tưởng giáo dục được khái quát từ bản chất của giáo dục - như là một hiện tượng xã hội và bị chi phối bởi các quy luật xã hội*.*  *+* Nguyên lí giáo dục được khái quát từ bản chất của quá trình dạy học, trong đó học tập bao gồm hoạt động nhận thức và hoạt động thực hành của học sinh và việc giảng dạy của giáo viên về thực chất là quá trình tổ chức các hoạt động đó một cách có ý thức.  + Nguyên lí giáo dục được rút ra từ bản chất của quá trình giáo dục - quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho học sinh nhằm hình thành cho họ ý thức, thái độ và hành vi trong sự phối hợp hợp lí của các lực lượng giáo dục: gia đình, nhà trường và xã hội.  + Giáo dục là một hoạt động có mục đích, mục đích giáo dục có tính lịch sử và thời đại. Nguyên lí giáo dục chính là một tư tưởng giáo dục được rút ra từ mục đích giáo dục và trở thành phương thức để thực thi mục đích giáo dục.  + Nguyên lí giáo dục được đúc rút từ những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến của các nhà trường qua nhiều thời đại, đã làm cho giáo dục đạt tới chất lượng và hiệu quả.  ***2.Nội dung nguyên lí giáo dục***  + Nội dung của nguyên lí này gồm bốn điểm quan trọng cần lưu ý:  - Học đi đôi với hành.  - Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất.  - Lí luận gắn liền với thực tiễn.  - Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.  *Học đi đôi với hành là một tư tưởng giáo dục vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa có tính khoa học vừa có giá trị thực tiễn. Bản chất của tư tưởng này như sau:*  + Học sinh đến trường để học tập (học và hành). Học là quá trình nhận thức chân lí khoa học.  + Học đi đôi với hành là một phương pháp học tập có hiệu quả, bởi vì học đi đôi với hành (vừa học, vừa làm) hỗ trợ cho nhau rất nhiều trong quá trình học tập.  + Trong học tập cần sử dụng nhiều mức độ thực hành và phải gắn với nội dung các môn học, với quy trình và mục tiêu đào tạo.  *Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất là tư tưởng giáo dục của nhà trường hiện đại, ta có thể nhận thấy như sau:*  + Giáo dục lao động là một nội dung của giáo dục toàn diện, học sinh hôm nay là những người lao động trong tương lai, vì vậy nhà trường phải chuẩn bị cho các em cả tâm lí, ý thức, kiến thức và kĩ năng sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động.  + Một nguyên tắc giáo dục quan trọng cho học sinh trong mọi thời đại là: giáo dục trong lao động và bằng lao động. Lao động sản xuất vừa là môi trường vừa là phương tiện giáo dục con người.  + Mục đích đào tạo của các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp là tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.  *Lí luận gắn liền với thực tiễn đó là một yêu cầu quan trọng đối với quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường Việt Nam.*  + Chúng ta đểu biết, nhà trường là một bộ phận của xã hội, giáo dục nhà trường là một bộ phận của giáo dục xã hội. Mục đích giáo dục nhà trường phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Nội dung giáo dục nhà trường phải phản ánh những gì đang diễn biến trong thực tiễn xã hội.  + Giáo dục lí luận gắn liền với thực tiễn cuộc sống, nội dung đào tạo trong nhà trường phản ánh những diễn biến của cuộc sống, từ đó làm tăng chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo.  *Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội*  + Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Con người sống không đơn độc mà luôn có gia đình, bè bạn và cả cộng đồng xã hội. Trong sự phát triển cá nhân, con người bị rất nhiều yếu tố tác động và do vậy quá trình giáo dục sẽ đạt được hiệu quả nếu ta biết phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.  + *Gia đình* là nơi sinh ra, nơi nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em. Giáo dục gia đình dựa trên tình cảm huyết thống, các thành viên gắn bó với nhau trong suốt cuộc đời và như vậy giáo dục gia đình trở nên bền vững nhất. Gia đình sống có nền nếp, có truyền thống gọi là gia phong. Gia đình hoà thuận, cha mẹ gương mẫu, lao động sáng tạo, có phương pháp giáo dục tốt, đó là gia đình có văn hoá. Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định giáo dục gia đình có ảnh hưởng rất lớn đối với thế hệ trẻ.  + *Giáo dục xã hội* là giáo dục trong môi trường nơi trẻ em sinh sống. Mỗi địa  phương có trình độ phát triển đặc thù, có truyền thống và bản sắc văn hoá riêng. Địa phương có phong trào hiếu học, có nhiều người thành đạt, có bạn bè tốt là môi trường ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của trẻ em.  ***3.Nội dung nguyên lí giáo dục***  + Nội dung của nguyên lí này gồm bốn điểm quan trọng cần lưu ý:  - Học đi đôi với hành.  - Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất.  - Lí luận gắn liền với thực tiễn.  - Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.  *Học đi đôi với hành là một tư tưởng giáo dục vừa truyền thống vừa hiện đại, vừa có tính khoa học vừa có giá trị thực tiễn. Bản chất của tư tưởng này như sau:*  + Học sinh đến trường để học tập (học và hành). Học là quá trình nhận thức chân lí khoa học.  + Học đi đôi với hành là một phương pháp học tập có hiệu quả, bởi vì học đi đôi với hành (vừa học, vừa làm) hỗ trợ cho nhau rất nhiều trong quá trình học tập.  + Trong học tập cần sử dụng nhiều mức độ thực hành và phải gắn với nội dung các môn học, với quy trình và mục tiêu đào tạo.  *Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất là tư tưởng giáo dục của nhà trường hiện đại, ta có thể nhận thấy như sau:*  + Giáo dục lao động là một nội dung của giáo dục toàn diện, học sinh hôm nay là những người lao động trong tương lai, vì vậy nhà trường phải chuẩn bị cho các em cả tâm lí, ý thức, kiến thức và kĩ năng sẵn sàng bước vào cuộc sống lao động.  + Một nguyên tắc giáo dục quan trọng cho học sinh trong mọi thời đại là: giáo dục trong lao động và bằng lao động. Lao động sản xuất vừa là môi trường vừa là phương tiện giáo dục con người.  + Mục đích đào tạo của các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp là tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.  *Lí luận gắn liền với thực tiễn đó là một yêu cầu quan trọng đối với quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường Việt Nam.*  + Chúng ta đểu biết, nhà trường là một bộ phận của xã hội, giáo dục nhà trường là một bộ phận của giáo dục xã hội. Mục đích giáo dục nhà trường phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Nội dung giáo dục nhà trường phải phản ánh những gì đang diễn biến trong thực tiễn xã hội.  + Giáo dục lí luận gắn liền với thực tiễn cuộc sống, nội dung đào tạo trong nhà trường phản ánh những diễn biến của cuộc sống, từ đó làm tăng chất lượng và hiệu quả của quá trình đào tạo.  *Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội*  + Bản chất con người là tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Con người sống không đơn độc mà luôn có gia đình, bè bạn và cả cộng đồng xã hội. Trong sự phát triển cá nhân, con người bị rất nhiều yếu tố tác động và do vậy quá trình giáo dục sẽ đạt được hiệu quả nếu ta biết phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.  + *Gia đình* là nơi sinh ra, nơi nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em. Giáo dục gia đình dựa trên tình cảm huyết thống, các thành viên gắn bó với nhau trong suốt cuộc đời và như vậy giáo dục gia đình trở nên bền vững nhất. Gia đình sống có nền nếp, có truyền thống gọi là gia phong. Gia đình hoà thuận, cha mẹ gương mẫu, lao động sáng tạo, có phương pháp giáo dục tốt, đó là gia đình có văn hoá. Nhiều công trình nghiên cứu đã khẳng định giáo dục gia đình có ảnh hưởng rất lớn đối với thế hệ trẻ.  + *Giáo dục xã hội* là giáo dục trong môi trường nơi trẻ em sinh sống. Mỗi địa  phương có trình độ phát triển đặc thù, có truyền thống và bản sắc văn hoá riêng. Địa phương có phong trào hiếu học, có nhiều người thành đạt, có bạn bè tốt là môi trường ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của trẻ em.  ***4.Phương hướng quán triệt nguyên lí giáo dục***  *Như vậy nguyên lí giáo dục là một luận điểm giáo dục quan trọng được đúc kết trên các căn cứ khoa học và thực tiễn, có giá trị chỉ đạo toàn bộ quá trình giáo dục đi đến mục tiêu. Nhà nước, nhà trường, giáo viên phải quán triệt nguyên lí giáo dục bằng các biện pháp cụ thể sau đây:*  + Cần xây dựng chương trình giáo dục và đào tạo có tính toán cân đối giữa các  môn lí thuyết và các môn thực hành, phải hợp lí giữa nội dung lí thuyết và thực hành trong từng môn học.  + Quy trình đào tạo và giáo dục phải tuân thủ các quy tắc chuẩn mực, bảo đảm sự thống nhất giữa các môn lí thuyết và thực hành, thống nhất giữa các môn kiến thức cơ bản và các môn nghiệp vụ, chuyên ngành.  + Nhà trường phải sử dụng phương pháp giáo dục tích cực, lấy người học làm  trung tâm, phát huy vai trò tích cực, độc lập và sáng tạo của người học.  + Nhà trường phải tổ chức các cơ sở thực hành, thí nghiệm tuỳ theo bậc học, ngành học.  + Nhà trường cần xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh, phải chủ động  phối hợp với các gia đình, các cơ quan, đoàn thể để giáo dục học sinh.  + Nhà nước, nhà trường cần tạo mọi điều kiện, cơ sở vật chất và tinh thần thuận lợi cho giáo viên và học sinh dạy và học theo nguyên lí giáo dục; không có cơ sở, vật chất, điều kiện đảm bảo không thể tổ chức quá trình giáo dục thành công. | Do lợi ích chính trị và kinh tế, mỗi giai cấp có những quan niệm riêng về giáo dục, có những yêu cầu riêng đối với giáo dục và đối với sản phẩm giáo dục. Mục đích giáo dục trong xã hội có giai cấp phản ánh ý chí, quyền lợi của giai cấp thống trị.  Trong các điều kiện kinh tế, xã hội hiện đại, khi mà khoa học và công nghệ phát triển hết sức nhanh chóng, khi mà xu thế toàn cầu hoá đang trở thành hiện thực, giáo dục thế kỉ XXI đặt ra nhiều vấn đề lớn cần phải giải quyết, chúng có liên quan trực tiếp đến việc xác định mục đích giáo dục của mỗi quốc  gia. |
| CHƯƠNG V: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN | **I. Khái niệm về hệ thống giáo dục quốc dân**  Giáo dục được tổ chức theo quy mô xã hội, nhờ đó mà mục đích giáo dục của quốc gia được thực hiện.  **1. Hệ thống giáo dục là gì?**  - Hệ thống giáo dục là toàn bộ tổ chức và cấu trúc các loại cơ quan giáo dục - dạy học và văn hoá, đảm nhiệm việc giáo dục và công tác giáo dục - văn hóa cho thế hệ trẻ và người lớn của một quốc gia. Gồm nhiều tổ chức khác nhau và được cấu trúc theo những nguyên tắc xác định tạo thành để thực hiện mục đích và chiến lược giáo dục của quốc gia.  - Ngày nay, khái niệm hệ thống giáo dục được mở rộng bao gồm cả trong nhà trường và ngoài nhà trường, đó là hệ thống giáo dục với chức năng và nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập suốt đời.  - Hệ thông giáo dục gồm hệ thống nhà trường, hệ thống các cơ quan văn hóa - giáo dục ngoài nhà trường và hệ thống cơ quan quản lí giáo dục và các cơ quan nghiên cứu khoa học về giáo dục và dạy học.  - Như vậy, cơ cấu hệ thống giáo dục hiểu theo nghĩa rộng gồm các vấn đề về cơ cấu bậc học, cơ cấu loại hình giáo dục đào tạo, cơ cấu ngành học, cơ cấu quản lí và phân bố địa lí của mạng lưới, các cơ sở dạy học - giáo dục, văn hóa - giáo dục.  - Hệ thống nhà trường giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống giáo dục. Nhà trường là hạt nhân của hệ thống giáo dục, do đó nó cũng là đơn vị cấu trúc cơ bản của hệ thống giáo dục.  - Như vậy, hệ thống giáo dục là tập hợp các loại hình giáo dục (hoặc loại hình nhà trường) được sắp xếp theo một trình tự nhất định theo các bậc học từ thấp (mầm non) đến cao (đại học và sau đại học).  ***Hệ thống giáo dục là một chỉnh thể hữu cơ bao gồm nhiều tầng bậc, nhiều nhân tố, hình thái và chức năng. Là một hệ thống con trong hệ thống lớn xã hội, có mối liên hệ chặt chẽ với các hệ thống khác như kinh tế, chính trị, khoa học văn hoá... Ngoài ra hệ thống giáo dục lại là một chỉnh thể độc lập tương đối.***  - Thông thường hệ thống giáo dục được hiểu theo hệ thống nhà trường (school system) trong đó phản ánh các loại hình nhà trường  **Hệ thống giáo dục các nước mặc dù có sự đa dạng nhưng đều có những đặc điểm phản ánh các đặc trưng chung của hệ thống giáo dục quốc tế.**  **Tổ chức UNESCO đã tổng kết hệ thống giáo dục các nước đều có các bậc học cơ bản sau:**  - Bậc 0: Trước tuổi học (Pre-primary education)  - Bậc 1: Tiểu học (Primary education)  - Bậc 2: Trung học cơ sở (Lower secondary education)  - Bậc 3: Trung học phổ thông (Upper secondary education)  - Bậc 4: Sau trung học (Post-secondary education)  - Bậc 5: Giai đoạn đầu của giáo dục đại học (First stage of tertiary education), chủ yếu theo hướng giáo dục thực hành, kĩ thuật công nghệ.  - Bậc 6: Giai đoạn hai của giáo dục đại học (Second stage of tertiary education), chủ yếu đào tạo chuyên gia có trình độ cao theo hướng nghiên cứu.  **2. Nguyên tắc xây dựng hệ thống giáo dục**  ***a. Cơ sở phương pháp luận về xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục quốc dân***  Hệ thống giáo dục ở mỗi quốc gia luôn có một quá trình hình thành và phát triển trong bối cảnh lịch sử - xã hội nhất định, chịu sự chi phối, tác động của các nhân tố và xu thế phát triển thế giới. Việc xử lí đúng đắn các mối quan hệ trên là chìa khoá mở hướng tương lai cho sự phát triển giáo dục và phát triển hệ thống giáo dục của các quốc gia.  Hiện nay, hệ thống giáo dục và cơ cấu hệ thống giáo dục các nước biến đổi sâu sắc từ giáo dục tinh hoa dành cho số ít sang nền giáo dục đại chúng dành cho số đông. Với xu thế ngày càng nâng cao phổ cập giáo dục rộng rãi cho mọi tầng lớp dân cư trong xã hội, triết lí “giáo dục cho mọi người” đã trở nên phổ biến trong xã hội hiện đại. Những triết lí mới đó đã và đang tác động làm thay đổi diện mạo của hệ thống giáo dục.  Hệ thống giáo dục được hình thành và phát triển trước hết xuất phát từ trình độ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong nước. Trình độ và nhu cầu phát triển kinh tế — xã hội tạo điều kiện, nguồn lực cho việc hình thành và phát triển hệ thống giáo dục đồng thời thúc đẩy sự hình thành và phát triển trường, lớp trong hệ thống giáo dục.  Hệ thống giáo dục của nước ta được xây dựng trên nền tảng văn hoá dân tộc => chịu sự tác động đồng thời phản ánh những đặc trưng, tính chất truyền thông và hiện đại của nền văn hoá.  Trong quá trình phát triển, hệ thống giáo dục chịu sự tác động của quá trình giao lưu hợp tác khoa học, văn hoá, giáo dục, kinh tế, phát triển nguồn nhân lực giữa các quốc gia trong khu vực và thế giới, đặc biệt chịu ảnh hưởng của quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra sôi động hiện nay. Những yếu tố kinh tế - xã hội cơ bản trong và ngoài nước ảnh hưởng đến sự phát triển hệ thống giáo dục hiện nay là:  - Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ  - Xu thế toàn cầu hoá  - Cải cách và đổi mới giáo dục  *=> Giáo dục ở nước ta vừa là sản phẩm của quá trình phát triển chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá trong mối quan hệ, giao lưu hợp tác quốc tế, đồng thời là nhân tố quan trọng thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay.*  ***b. Các nguyên tắc xây dựng hệ thống giáo dục***  Để đảm bảo sự vận động hợp quy luật của hệ thống giáo dục, quá trình xây dựng và phát triển của nó cần tuân thủ một số nguyên tắc sau:  - Hệ thống giáo dục phải phù hợp vối trình độ phát triến kinh tế, văn hóa, khoa học của đất nước, đồng thời phải có khả năng đáp ứng tốt các mục tiêu của chiến lược phát triển theo giai đoạn của quốc gia.  - Đảm bảo tính định hướng chính trị và sự quản lí của Nhà nước về giáo dục.  - Đảm bảo mềm dẻo, tính liên tục, liên thông nhằm đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của công dân.  **II. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam**  Hệ thống giáo dục phản ánh đặc điểm của hoàn cảnh chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội có tính chất lịch sử cụ thể của mỗi nước, hệ thống giáo dục Việt Nam hiện nay là sự kế thừa của quá trình xây dựng, phát triển của hệ thống giáo dục trong quá trình phát triển của lịch sử.  **Theo quy định tại chương I Điều 6 của Luật Giáo dục nước CHXHCN Việt**  **Nam năm 1998, hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam như sau:**  - Giáo dục mầm non có Nhà trẻ và Mẫu giáo.  - Giáo dục phổ thông có hai bậc học là bậc Tiểu học và bậc Trung học, bậc trung học có hai cấp học là cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.  - Giáo dục nghề nghiệp có Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề.  - Giáo dục đại học, đào tạo hai trình độ là trình độ cao đẳng và trình độ đại học,  giáo dục sau đại học, đào tạo hai trình độ là trình độ thạc sĩ và trình độ tiến sĩ.  ***Hệ thống giáo dục quốc dân được nêu tại Điều 4 của Luật Giáo dục được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI kì họp thứ 7 thông qua vào ngày 14 tháng 6 năm 2005 như sau:***  *1) Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên.*  *2) Các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:*  a. Giáo dục mầm non có Nhà trẻ và Mẫu giáo.  b. Giáo dục phổ thông có Tiểu học, Trung học cơ sở Trung học phổ thông.  c. Giáo dục nghề nghiệp có Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề.  d. Giáo dục đại học và sau đại học (gọi chung là giáo dục đại học) đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ Đại học, trình độ Thạc sĩ, trình độ Tiến sĩ.  **1) Giáo dục mầm non:**  Thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi. Các cơ sở giáo dục mầm non bao gồm:  - Nhà trẻ, nhóm trẻ, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi.  - Trường, lớp mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi.  - Trường mầm non là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và trường mẫu giáo, nhận trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi.  **2) Giáo dục phổ thông bao gồm:**  - Giáo dục tiểu học được thực hiện trong năm năm học từ lớp một đến lớp năm.  - Giáo dục trung học cơ sở được thực hiện trong bốn năm học, từ lớp sáu đến lớp chín.  - Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong ba năm học, từ lớp mười đến lớp mười hai.  Cơ sở giáo dục phổ thông bao gồm:  - Trường tiểu hoc  - Trường trung học cơ sở  - Trường trung học phổ thông  - Trường phổ thông có nhiều cấp học  - Trung tâm kĩ thuật tổng hợp - hướng nghiệp  **1. Giáo dục nghề nghiệp, bao gồm**  -Trung cấp chuyên nghiệp được thực hiện từ ba đến bốn năm học với người để hoàn thành chương trình Trung học cơ sở từ một đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông.  -Dạy nghề được thực hiện dưới một năm đối với đào tạo nghề và trình độ sơ cấp từ một đến ba năm đối với đào tạo nghề trình độ trung cấp ,trình độ cao đẳng.  Cơ sở giáo dục nghề nghiệp bao gồm:  -Trường trung cấp chuyên nghiệp.  -Trường cao đẳng nghề ,trường trung cấp nghề ,trung tâm dạy nghề ,lớp dạy nghề.  Cơ sở dạy nghề có thể được tổ chức độc lập hoặc rảnh với cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ cơ sở giáo dục khác.  **2. Giáo dục Đại học, bao gồm**  - Đào tạo trình độ Cao đẳng từ 2-3 năm tùy theo ngành nghề đào tạo với người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc Trung cấp; từ 1,5-2 năm đối với người có bằng Trung cấp chuyên ngành  - Đào tạo trình độ Đại học từ 4-6 năm tùy theo ngành nghề đào tạo với người có bằng tốt nghiệp THPT hoặc Trung cấp; từ 2,5-4 năm đối với người có bằng Trung cấp chuyên ngành; từ 1,5-2 năm đối với người có bằng Cao đẳng chuyên ngành  - Đào tạo trình độ Thạc sĩ từ 1-2 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Đại học  - Đào tạo trình độ Tiến sĩ trong 4 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Đại học, từ 2-3 năm đối với người có bằng Thạc sĩ (trong các trường hợp đặc biệt có thể kéo dài theo quy hoạch của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)  *Cơ sở giáo dục Đại học bao gồm:*  - Trường Cao đẳng đào tại trình độ Cao đẳng  - Trường Đại học đào tạo trình độ Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ khi được Chính phủ giao  **Điều 48 của Chương III trong Luật Giáo dục đã quy định nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân được tổ chức theo các loại hình sau đây:**  *a. Trường công lập do nhà nước thành lập, đầu tư cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên*  *b. Trường Dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động*  *c. Trường Tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước.*  **\*Cùng với giáo dục chính quy có giáo dục thường xuyên:**  - Giáo dục thường xuyên giúp mọi ngươi vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với cuộc sống xã hội. Nhà nước có chính sách phát triển giáo dục thường xuyên, thực hiện giáo dục cho mọi người, xây dựng xã hội học tập.  **\*Các hình thức thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên để lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân bao gồm:**  - Vừa làm vừa học  - Học từ xa  - Tự học có hướng dẫn  **\*Cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm:**  - Trung tâm giáo dục thường xuyên được tổ chức tại cấp tỉnh và cấp huyện.  - Trung tâm học tập cộng đồng được tổ chức tại xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).  Giáo dục thường xuyên bao gồm nhiều chương trình đào tạo từ chương trình xoá mù chữ và giáo dục tiếp tục sau biết chữ, chương trình đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kì, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kĩ năng.  **\*\*Trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam còn có các loại trường chuyên biệt như:**  - Trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dự bị đại học;  - Trường chuyên, trường năng khiếu;  - Trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật;  - Trường giáo dưỡng.  **III. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân**  **1. Sự phát triển của hệ thống giáo dục trong xã hội hiện đại**  Xã hội hiện đại đặt ra cho giáo dục những yêu cầu mới khiến nó phải được cách tân. Những thay đổi về sự phát triển của hệ thống giáo dục trong xã hội hiện đại có một số đặc điểm chính như sau:  - Tăng cường khả năng đáp ứng của hệ thống giáo dục với nhu cầu phổ cập giáo dục ngày càng được kéo dài ở nhiều nước.  - Đơn vị hạt nhân của hệ thống giáo dục (nhà trường) có những đặc điểm mới:  + Nhà trường luôn gắn liền với môi trường sống và môi trường tự nhiên  + Nhà trường gắn liền với các cơ sở sản xuất nhằm phát huy nội lực  + Nhà trường gắn liền với xã hội, với chức năng chuyển giao văn hóa và là tác nhân thay đổi.  + Tăng cường mối quan hệ giữa các nhà trường trong phạm vi quốc gia và quốc tế dưới nhiều hình thức .  + Nhà trường gắn liền với các cá nhân và không còn bị hạn chế về không gian và thời gian.  - Hệ thống giáo dục có tính liên thông cao:  + Liên thông nhằm đảm bảo tính phân hóa: hệ thống giáo dục có nhiều loại hình với nhiều khả năng thuyên chuyển từ loại hình này sang loại hình khác.  +Liên thông với thị trường lao động thông qua hệ thống trường nghề. Hệ thống các trường nghề thực hiện chức năng chuẩn bị nguồn nhân lực cho thị trường lao động.  - Phát triển đa dạng các hình thức giáo dục và đào tạo  +Hệ thống giáo dục tồn tại nhiều hình thức giáo dục đào tạo như hình thức chính quy, phi chính quy. Với sự đa dạng này, mọi người có thể tự học suốt đời qua nhiều kênh khác nhau như nhà trường, thư viện, học trực tuyến qua mạng Internet.  - Hệ thống giáo dục tạo ra tính cơ động nghề nghiệp cao ở người học:  + Các trường học trong hệ thống giáo dục dạy cho người học nhiều nghề, nhiều môn học tự chọn và cho phép người học được học ở nhiều trường và nhiều nghề cùng một lúc.  + Trong nền kinh tế toàn cầu, với sự giao lưu ngày càng tăng và tiến bộ nhanh chóng của khoa học - công nghệ, tính ỳ của người học và người lao động trở thành rào cản lớn với sự tiến bộ của họ. Nhà trường phải là nhân tố quan trọng góp phần biến tính ỳ đó thành tính cơ động cao cho họ.  **2. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân:**  - Hướng tới xây dựng một hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, phù hợp với việc xây dựng một xã hội học tập, học tập suốt đời, trong đó các con đưòng tiếp nhận giáo dục rộng mở cho tất cả mọi người, ở mọi nơi, vào mọi lúc.  - Hệ thống giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, gắn với phát triển kinh tế - xã hội và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển sản xuất, gắn chặt đào tạo và sử dụng, phát triển nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.  - Xây dựng một hệ thống giáo dục đa dạng về loại hình và phương thức, năng động, linh hoạt, mềm dẻo, chất lượng và hoàn toàn liên thông.  - Xây dựng một hệ thống giáo dục kế thừa được những yếu tố truyền thống, kết hợp với tinh hoa của các mô hình hệ thống giáo dục tiên tiến trên thế giới, tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế để thực hiện hội nhập và phát triển.  - Cơ cấu hệ thống giáo dục có cấu trúc hài hoà và tương đối ổn định, dễ dàng cho phân cấp quản lí, nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trước cộng đồng, trước xã hội. Chú ý đến sự phù hợp về cơ cấu trình độ, cơ cấu loại hình nhà trường, phương thức, ngành nghề, cơ cấu vùng lãnh thổ, cơ cấu phân cấp quản lí... Trong đó cơ cấu trình độ được coi là cơ cấu đặc trưng nhất của hệ thống giáo dục quốc dân.  - Cơ cấu hệ thống giáo dục bảo đảm tính công bằng và tính bình đẳng giữa các loại hình nhà trường và phương thức đào tạo. Kết quả học tập và giá trị văn bằng giữa các loại hình nhà trường, các phương thức đào tạo phải được quy đổi, liên thông, đảm bảo quyền lợi và kích thích sự sáng tạo của người học trong một xã hội học tập mở. |  |